

Bản án số: 24/2022/HNGĐ -ST
Ngày 18/7/2022
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hậu - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 07 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST - HNGĐ ngày 13/4/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị An Thị Y, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 28/5/2017

2. Cháu Nguyễn B A, sinh ngày 30/3/2019

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Anh H – Bố đẻ của các cháu

Đều trú tại: ẤT 1, HQ, ẤT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu: Bà Đỗ Minh Ánh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và lời khai của anh H trình bày anh và chị Y quen biết nhau qua người giới thiệu, sau đó có thời gian tìm hiểu nhau, anh chị có đăng

ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào năm 2015. Sau khi cưới chị Y về ngay gia đình anh chung sống, sau đó anh chị lên Hà Nội làm ăn, đến cuối tuần hoặc có công việc thì về, đến khi sinh con mẹ anh lên ở cùng và trông nom con giúp vợ chồng. Đến năm 2020, chị Y có quan hệ bất chính với người làm cùng anh chị, bị phát hiện, sau đó chị Y xin lỗi và hứa thay đổi, vì con cái nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 4/2021 chị Y vẫn có quan hệ với người đàn ông đó, lần này vợ chồng cãi nhau, chị Y có lỗi nhưng không hối hận, sau đó lại bỏ đi, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Được vài ngày anh gọi điện thoại cho bố mẹ vợ để nói rõ mọi chuyện, anh vẫn chờ chị Y quay lại để vợ chồng nói chuyện nhưng chị Y không về, không điện thoại hỏi han con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh làm đơn xin ly hôn chị Y.

Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông An Quốc Yên (bố đẻ của chị Y) trình bày: Ông xây dựng vợ chồng cho anh H, chị Y vào năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang. Sau khi thành vợ chồng chị Y về ngay gia đình chồng chung sống. Được một thời gian ngắn anh chị lên Hà Nội thuê nhà, làm ăn. Thời gian trước anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 2 con chung. Tháng 3/2021 anh chị mâu thuẫn nguyên nhân tại sao ông không rõ, ông chỉ thấy mẹ anh H nói là chị Y hư hỏng, ông có gọi điện thoại cho chị Y để hỏi nguyên nhân thì chị Y nói vợ chồng cãi nhau, không thể ở với nhau, ông có bảo nghĩ vì con nhưng chị Y bảo “con chịu khổ, con phải thoát ra”, sau đó chị Y không về ở với anh H nữa. Vài tháng sau chị Y vào trong nam xin việc làm, từ đó không về. Anh chị sống ly thân nhau từ thời gian đó. Mẹ anh H có nói chị Y biết lỗi về để nuôi con, còn xin ông địa chỉ của chị Y, ông có hỏi chị Y thì chị Y không đồng ý. Đầu năm 2022, anh H có sang nhà ông nói là xin ly hôn chị Y thì ông bảo tùy anh H. Nay anh H xin ly hôn, việc anh chị có ở được với nhau nữa hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh H, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bà Lâm (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh chị tự quen biết nhau, có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào năm 2015. Sau khi cưới chị Y về ngay gia đình chồng tại Ân Thi 1, Hồng Quang. Vài ngày sau anh chị lên Hà Nội làm ăn. Sau khi anh chị có con thì bà lên Hà Nội trông nom, chăm sóc con cho anh chị để anh chị có thời gian làm việc. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020, anh chị cãi nhau nguyên nhân là do chị Y có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chính là người làm thuê cho vợ chồng, bị gia đình bắt được, chị Y xin lỗi và tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, nhưng chỉ được 1 thời gian

chị Y không thay đổi, anh chị mâu thuẫn trầm trọng, chị Y cùng người đàn ông đó bỏ đi, không quan tâm gì đến con và anh chị sống ly thân nhau. Từ khi chị Y bỏ đi không hỏi han gì đến con trong khi con còn nhỏ, gia đình đã cho cơ hội nhưng không ở được nên bà mong muốn Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Anh H, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019. Hiện nay các cháu đang ở với bố.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh chị không có gì

Tại biên bản xác minh với UBND xã Hồng Quang: Anh H, chị Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào ngày 24/3/2015 tại số 12. Chị Y, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ẤT 1, HQ, ẤT, tuy nhiên chị Y, anh H làm ăn, sinh sống tại Hà Nội, ngày nghỉ, lễ mới về. Quá trình chị Y, anh H chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Anh H, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 04/7/2022: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn chị Y được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 18/7/2022: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn chị Y được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu bà Đỗ Minh Ánh trình bày: Anh H, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của anh H xin nhận nuôi cả hai con chung, chị Y cũng thể hiện nguyện vọng để cả hai con chung cho anh H nuôi (qua bố đẻ là ông Yên). Xét thấy cả hai con chung của anh H, chị Y đều đang sống với anh H, chị Y bỏ đi không thăm nom gì đến con chung vì vậy đề nghị HĐXX giao cả hai con chung cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng: Anh H nuôi con không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật vì anh H có thu nhập 15.000.000 đồng/ tháng vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con. Yêu cầu của anh H là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký cơ bản chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại điều 70, 72 BLTTDS

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đình H. Xử cho anh H được ly hôn chị Y

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019 cho cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện VKSND huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phúc vào ngày 10/02/2009. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị Y là hợp pháp. Nay anh H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị Y có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ẤT 1, HQ, ẤT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh H xác định vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Y có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó chị Y xin lỗi và anh H, chị Y tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 4/2021 chị Y không thay đổi, tự bỏ đi, không có liên lạc với anh H hoặc về

thăm con. Qua gia đình chị Y được biết hiện nay chị Y đang làm việc trong Nam. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Y. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ chị Y đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị Y biết nhưng chị đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được, nhưng qua ông Yên (bố đẻ của chị Y) được biết vợ chồng anh H, chị Y có mâu thuẫn từ tháng 3/2021 như anh H trình bày, chị Y xác định không ở được với anh H nên đã tự bỏ đi, gia đình khuyên thì chị Y có quan điểm khổ nên phải thoát ra. Từ tháng 3/2021 anh H, chị Y đã sống ly thân nhau mà không có biện pháp gì để hàn gắn những rạn nứt vợ chồng. Bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa anh H, chị Y đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H, chị Y không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H, chị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh năm 2017 và Nguyễn B A, sinh năm 2019. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh H, do chị Y không đến Tòa nên không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của chị Y trong hồ sơ, tuy nhiên qua ông Yên, chị Y có nguyện vọng để cả hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Về phía anh H, anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. HĐXX thấy rằng nguyện vọng của anh H phù hợp với thực tế là con chung đang ở với anh H, chị Y bỏ đi không thăm nom con chung, anh H có thu nhập 15.000.000 đồng/ tháng. Để tránh xáo trộn việc học tập và sinh hoạt của con chung nên HĐXX giao cả hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn chị An Thị Y

2- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Ngọc A N, sinh ngày 28/5/2017 và Nguyễn B A, sinh ngày 30/3/2019 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi

thành niên. Chị Y không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0003776 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh H, chị Y có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Hồng Quang, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

